

Bản án số: 54/2020/DS-ST

Ngày: 27-11-2020

*V/v “TrA chấp quyền sử dụng đất và
Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất”.*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
* *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân
* *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Nguyễn Văn Kiểm
- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan Phương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bộ- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26, 27 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai V án dân sự thụ lý số 128/2019/TLST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2019 về việc “TrA chấp quyền sử dụng đất và Yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa V án ra xét xử số 237/2020/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 9 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 152/2020/QĐST-DS ngày 28 tháng 9 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 25/2020/QĐST-DS ngày 28/10/2020 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1938 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Văn Miếu, xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
* **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T:** Luật sư Ông Thị T - Văn phòng Luật sư Vũ A Hùng - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang (có mặt)
* **Bị đơn:** A Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Văn Miếu, xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
* **Người có quyền lợi N V liên quan:**
- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1940 (có mặt)
- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1932 (vắng mặt)
- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1949 (có mặt)
- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 (có mặt)
Đều cư trú: Thôn Văn Miếu, xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 02, đường Á Lữ, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 (có mặt)
- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963 (vắng mặt)
- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964 (vắng mặt)
- A Nguyễn Văn N, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn Văn Miếu, xã V Lập, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- Ủy ban nhân dân xã V Lập, huyện Tân Yên do ông Tạ Phú T- Công C Địa chính- Xây dựng xã đại diện theo ủy quyền (có mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang do ông Trần Tuấn A- Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đại diện theo ủy quyền (có mặt).

NỘI D V U Á N:

** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 09 tháng 10 năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung, bản T khai và các lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có ý kiến trình bày:*

Nguồn gốc 03 thửa đất đang trA chấp gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² đều ở thôn Văn Miếu, xã V Lập, đất là do bố mẹ ông cho ông từ năm 1958 - 1959, khi cho đều là đất ruộng. Từ năm 1959 -1976 ông đi bộ đội, vợ con ông ở nhà cA tác trồng lúa, trồng màu hàng năm trên đất. Từ năm 1980, ông cùng các con ông làm lò gạch và đóng gạch trên 03 thửa đất này. Đến năm 1990 sau khi đóng gạch hết đất thì gia đình ông bỏ không, không sử dụng đất từ đó đến nay. Ông Nguyễn Văn S là cháu gọi ông là chú ruột có 02 sào ruộng gần 03 thửa ruộng nhà ông, được bố để ông S cho để làm nhà năm 1977 - 1978. Khi A Nguyễn Văn T là con ông S lập gia đình thì tiếp tục ở cùng ông S trên đất 02 sào này. Năm 2015 - 2016, A T làm chuồng bò, bếp và 02 gian nhà ngang, xây công trên phần đất 08 thước của gia đình ông. Phần 07 thước gia đình A T quây lưới để nuôi gà còn phần 06 thước là thung vũng do trước đây lấy đất đóng gạch nay A T thả bèo, nuôi vịt. Khi thấy A T xây công trình và sử dụng đất của gia đình ông khoảng năm 2017, vợ chồng ông có ý kiến yêu cầu gia đình A T xây lui lại vài mét và trả đất thì A T và bà B là vợ ông S không đồng ý. Ban đầu vợ chồng ông nghĩ A T cũng là con cháu nên không trA chấp và sau đó ông không có ý kiến gì nữa. Đến tháng 3/2019 ông đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã V Lập giải quyết. Trước đây ông có biết gia đình ông S, A T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 02 sào 720m² của gia đình ông S. Sau khi nộp đơn lên Ủy ban nhân dân xã vào tháng 3/2019 và được xã tiến hành hòa giải vào tháng 4/2019 và tháng 7/2019 thì ông mới biết ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả diện tích 03 thửa ruộng của gia đình ông. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S thì ông không được biết. Ông không đồng ý với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S.

Nay ông yêu cầu gia đình A T phải trả lại diện tích đất tại 03 thửa ruộng nêu trên tổng là 504m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10 thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Ông không đồng ý với việc Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S đối với diện tích đất của gia đình ông. Lý do vì đất này là đất do cha ông của ông cho từ năm 1958 - 1959, gia đình ông sử dụng ổn định đến năm 1990 thì bỏ hoang không sử dụng. Trước đây gia đình ông S chỉ có 02 sào đất tương đương 720m² nhưng nay diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 1121,1m² là do gia đình ông S lấn đất của gia đình ông. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S đối với diện tích đất nhà ông, ông không được biết. Ông đã khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 815662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 15/9/2003 tại thửa 134, tờ bản đồ số 10 ở thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập đối với phần diện tích 03 thửa đất của gia đình ông tổng là 504m².

Tại phiên tòa ông T có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khởi kiện bổ sung với lý do: Các thửa đất nêu trong đơn khởi kiện gồm 3 thửa là thửa 8 thước, thửa 7 thước, thửa 6 thước là đất của ông sử dụng từ những năm 1955 đến 1990 thì gia đình ông bỏ không không sử dụng nữa, gia đình ông S sử dụng các thửa đất trên của gia đình ông từ năm 1990, sau đó gia đình ông S, A T con ông S có xây dựng một số công trình trên đất, gia đình ông có biết nhưng vẫn để cho sử dụng. Đến khoảng năm 2016-2017 ông thấy A T tiếp tục chuyển xây dựng công trình chăn nuôi sang khu bên, ông đã có ý kiến đề nghị A T xây dựng lùi vào mấy mét nhưng A T không xây nên ông cũng không ý kiến gì nữa. Sau đó ông đã làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban nhân dân huyện vào năm 2019, xã có gọi ông lên hai lần hòa giải là ngày 23/4/2019 và ngày 29/7/2019 nhưng không thành, ông khẳng định tại hai buổi làm việc ở xã ông có mặt nhưng không ký biên bản và biên bản ghi tên ông Nguyễn Xuân T và ông Nguyễn Văn T thì vẫn là ông. Nay ông vẫn giữ nguyên khởi kiện yêu cầu gia đình A T phải trả lại cho gia đình ông 3 thửa ruộng trên và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông S. Ngoài ra, ông không có đề nghị gì khác.

** Tại bản T khai và biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn A Nguyễn Văn T có trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 300m² đất thổ cư và 821m² đất vườn tại Đội 1, thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên của bố mẹ A để lại, hiện tại vẫn đứng tên ông Nguyễn Văn S cấp ngày 15/9/2003. Quá trình diễn biến sử dụng đất trên vẫn do bố mẹ A sử dụng và A ở cùng bố mẹ trên thửa đất này từ nhỏ cho đến nay. Đến năm 2009 A lấy vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1985 ở khu Vườn Đình, thị trấn Cao Thượng, Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, chị D hiện nay đã có tên trong hộ khẩu gia đình A, hộ khẩu chủ hộ là A Nguyễn Văn T, bố A là Nguyễn Văn S, mẹ A là Phạm Thị B, vợ A là Nguyễn Thị D, các con là Nguyễn Xuân Mạnh, sinh năm 2010, Nguyễn T Hạnh, sinh năm 2015, ngoài ra hộ khẩu không còn ai khác. Quá trình sinh sống trên đất A có xây

dựng các công trình gồm: 01 nhà ở cấp 4, 03 gian; công trình phụ: Bếp, nhà tắm, nhà chăn nuôi; tường bao xây cay xi măng; nhà chứa; ao xây bờ vây cay vôi; lưới B40 quay chuồng bò, chuồng gà; cổng bê tông, cánh cổng sắt; sân lát gạch đỏ. Lâm lộc trên đất đã cho T hoạch có: 01 cây sấu; 01 cây vải; 03 cây nhãn; 03 cây táo; 01 cây ổi; 11 cây bưởi; 01 cây mít. A có công sức đóng góp, xây dựng trong khối tài sản trên, nhưng cụ thể bao nhiêu thì A không tính được. A không yêu cầu và không có đề nghị gì. Nay ông T yêu cầu gia đình A trả lại 03 thửa đất tổng diện tích là 504m² và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên bố A thì A không nhất trí với lý do A khẳng định đất này nhà A sử dụng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình A và sử dụng ổn định từ trước tới nay, không có trA chấp khiếu kiện gì, gia đình A không có việc lấn chiếm đất nhà ông T.

Tại phiên tòa A T có mặt trình bày: A không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T với lý do đất trên là của gia đình A đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần diện tích đất này cho hộ gia đình A. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận năm 2003 lúc đó do bố A làm chủ hộ, đi kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. A sinh sống trên thửa đất từ nhỏ cho đến nay, thửa đất hiện nay vẫn có hiện trạng như khi cấp Giấy chứng nhận không có thay đổi gì. Gia đình A đã xây dựng các công trình trên đất từ nhiều năm nay nhưng không có ai có ý kiến trA chấp khiếu kiện gì. Đến năm 2019 ông T mới có đơn lên xã cho rằng đất đó của ông, sau đó Ủy ban nhân dân xã hòa giải không thành. Nay A không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

** Người có quyền lợi N V liên quan bà Nguyễn Thị N tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Năm 1956, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn T và về chung sống với ông T tại thôn Văn Miếu, xã V Lập từ đó cho đến nay. Vợ chồng bà sinh được 05 người con gồm: Nguyễn Thị V, sinh năm 1957; Nguyễn Văn P, sinh năm 1960, Nguyễn Thị C, sinh năm 1963, Nguyễn Văn V, sinh năm 1964, Nguyễn Văn N, sinh năm 1976. Các diện tích đất ông T đang yêu cầu A T phải trả gồm 03 thửa có diện tích lần lượt là 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² đều ở thôn Văn Miếu, xã V Lập. Về nguồn gốc là đất do bố mẹ ông T cho ông T từ năm 1958 - 1959, khi cho đều là đất ruộng. Từ năm 1959 - 1976 ông T đi bộ đội, mẹ con bà ở nhà cA tác trồng lúa, trồng màu hàng năm trên đất. Từ năm 1980, ông T cùng các con làm lò gạch và đóng gạch trên 03 thửa đất trên. Đến năm 1990 sau khi đóng gạch hết đất thì gia đình bà bỏ không, không sử dụng đất từ đó đến nay. Ông S là cháu gọi chồng bà là chú ruột có 02 sào ruộng gần 03 thửa ruộng nhà bà, được bố để ông S cho để làm nhà năm 1977 - 1978. Khi A T là con ông S lập gia đình thì tiếp tục ở cùng ông S trên đất 02 sào này. Năm 2015- 2016, A T làm chuồng bò, bếp và 02 gian nhà ngang, xây cổng trên phần đất 08 thước của gia đình bà. Phần 07 thước gia đình A T quay lưới để nuôi gà còn phần 06 thước là thùng vũng do trước đây lấy đất đóng gạch nay A T thả bèo, nuôi vịt. Khi thấy A T xây công trình và sử dụng đất của gia đình bà, vợ chồng bà có ý kiến yêu cầu gia đình A T xây lui lại vài

mét và trả đất thì A T và bà B là vợ ông S không đồng ý trả. Ban đầu vợ chồng bà nghĩ A T cũng là con cháu nên không trả chấp không có ý kiến gì, nhưng sau nhiều lần trao đổi A T nhất quyết không xây lui lại nên đến tháng 3/2019 ông T đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã V Lập giải quyết. Trước đây bà có biết gia đình ông S, A T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 02 sào 720m² của gia đình ông S. Nhưng sau khi nộp đơn lên Ủy ban nhân dân xã và được thôn, xã giải quyết thì vợ chồng bà mới biết ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cả diện tích 03 thửa ruộng của gia đình bà. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S thì vợ chồng bà không được biết. Bà không đồng ý với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S. Ông T yêu cầu gia đình A T phải trả lại diện tích đất tại 03 thửa ruộng nêu trên tổng là 504m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10 thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, ý kiến của bà nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện và ý kiến của ông T.

Tại phiên tòa bà N có mặt trình bày: Bà nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi N V liên quan bà Nguyễn Thị B có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Bà là vợ của ông S, về nguồn gốc thửa đất mà ông T đang khởi kiện là của bố mẹ ông S cho ông S. Gia đình bà sử dụng thửa đất trên ổn định từ năm 1975 cho đến nay, không có ai có ý kiến trả chấp gì. Năm 2003 gia đình bà do ông S đi đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đã cất đi. Năm 2019 bà thấy ông T có đơn đòi đất đối với gia đình bà. Sau đó Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành. Nay ông T khởi kiện đòi đất của gia đình bà thì bà không nhất trí với lý do đất là của gia đình bà, gia đình đã sử dụng ổn định thửa đất này từ nhiều năm nay không có trả chấp gì.

** Người có quyền lợi N V liên quan chị Nguyễn Thị D tại bản T khai, biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 300m² đất thổ cư và 821m² đất vườn tại Đội 1, thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên chị không nắm được, mà chỉ nghe bố mẹ chồng chị và chồng chị là A T kể lại là của bố mẹ chồng chị để lại, hiện tại vẫn đứng tên hộ ông Nguyễn Văn S cấp ngày 15/9/2003. Cuối năm 2009 chị lấy A Nguyễn Văn T, về sinh sống trên đất này từ đó cho đến nay. Quá trình diễn biến, sử dụng đất trên vẫn như A T khai do bố mẹ chị sử dụng, chị ở cùng chồng và bố mẹ trên thửa đất này. Trước khi lấy A T chị ở khu Vườn Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; Hiện nay hộ khẩu gia đình chị gồm: chủ hộ là A Nguyễn Văn T, bố chồng là Nguyễn Văn S, mẹ chồng là Phạm Thị B, chị là Nguyễn Thị D, các con chị là Nguyễn Xuân Mạnh, sinh năm 2010; Nguyễn T Hạnh, sinh năm 2015, ngoài ra hộ khẩu không còn ai khác. Quá trình sinh sống trên đất gia đình chị có xây dựng các công trình gồm: 01

nhà ở cấp 4, 03 gian; công trình phụ: Bếp, nhà tắm, nhà chăn nuôi; tường bao xây cay xi măng; nhà chứa; ao xây bờ vây cay vôi; lưới B40 vây chuồng bò, chuồng gà; cổng bê tông, cánh cổng sắt; sân lát gạch đỏ. Lâm lộc trên đất đã cho T hoạch có: 01 cây sấu; 01 cây vải; 03 cây nhãn; 03 cây táo; 01 cây ổi; 11 cây bưởi; 01 cây mít. Chị có công sức đóng góp, xây dựng trong khối tài sản trên, nhưng cụ thể bao nhiêu thì chị không tính được. Chị không yêu cầu và không có đề nghị gì trong V án này. Nay ông T yêu cầu gia đình chị trả lại 03 thửa đất tổng diện tích là 504m² thì chị không nhất trí với lý do đất này nhà chị sử dụng đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình chị và sử dụng ổn định từ trước tới nay, không có trA chấp khiếu kiện gì.

Tại phiên tòa chị D có mặt trình bày: Chị không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T với lý do đất là của gia đình chị được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng đất ổn định từ trước cho đến nay không có ai trA chấp gì, nay ông T đòi đất của gia đình chị là không có căn cứ.

** Người có quyền lợi N V liên quan ông Nguyễn Văn P có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Về nguồn gốc thửa đất mà ông T đang khởi kiện thì ông không nắm được, diễn biến sử dụng đất ông cũng không biết như thế nào, ông chỉ biết là sau khi ông đi bộ đội về thời gian nào ông cũng không nhớ, ông chỉ nhớ có thời gian đóng gạch cùng gia đình đến năm 1990 thì thôi không làm nữa và đất bỏ hoang từ đó. Còn sau đó ai sử dụng đất và như thế nào A không biết. Nay ông T khởi kiện thì ông nhất trí với yêu cầu của ông T. Ngoài ra ông có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi N V liên quan ông Tạ Phú T là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã V Lập có trình bày:*

Hồ sơ, nguồn gốc, hiện trạng thửa đất hộ ông Nguyễn Văn T: Về hồ sơ bản thân ông T không có bất cứ giấy tờ gì liên quan đến nội D thửa đất theo nội D đơn đề nghị của ông. Kiểm tra hồ sơ lưu tại xã Bản đồ can vẽ tháng 8 năm 1990 khu đất hộ ông Nguyễn Văn T đề nghị không thể hiện ký hiệu loại đất TC, vậy tại thời điểm đó trên bản đồ vẽ can đây là đất cA tác. Kiểm tra bản đồ đo năm 2002 thửa đất hộ ông Nguyễn Văn T được thể hiện tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10, diện tích 247,0 m², loại đất T (thổ cư). Trong hồ sơ kỹ Tật không ghi tên người quản lý sử dụng. Nguồn gốc thửa đất hộ ông Nguyễn Văn T: Có nguồn gốc do cha ông để lại từ năm 1954, theo ông Nguyễn Văn T đất cha ông để lại gồm 8 thước, 8 thước này ông T cho ông P con trai ông T 6 thước, còn 2 thước là của ông T, theo ông T nêu đất cha ông để lại cho ông hiện ông còn 16 thước, quy ra bằng 384 m². Nhưng thực tế từ năm 1954 ông Nguyễn Văn T chỉ sử dụng thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10 diện tích 247,0 m². Hiện trạng thửa đất: Từ năm 1954 đến nay diện tích đất ông cha để lại cho ông T chưa xây dựng nhà ở, hiện tại ông T trồng tre và cây hàng năm khác.

Hồ sơ, nguồn gốc, hiện trạng thửa đất hộ ông Nguyễn Văn T: Hồ sơ thửa đất: Theo bản đồ can vẽ tháng 8/1990, thửa đất hộ gia đình A T thể hiện tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090 m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài,

thửa đất trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang Seri số: N397148, cấp tại Quyết định số: 529/1999/QĐ-UB ngày 20/7/1999. Kiểm tra bản đồ đo năm 2002 thửa đất hộ A T được thể hiện tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1121,1 m², thửa đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang seri số Đ 815662, diện tích 1121,1 m², cấp tại quyết định số 256/QĐ – UBND huyện Tân Yên cấp ngày 15/9/2003. Nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất: Thửa đất của hộ A Nguyễn Văn T có nguồn gốc từ cha ông để lại từ năm 1954, sau khi nhận thừa kế đất từ bố A T là ông Nguyễn Văn S, A T đã xây dựng nhà ở và công trình phụ, việc sử dụng đất ổn định từ đó không có tranh chấp. Quan điểm của Ủy ban nhân dân xã V Lập: Ngày 01/4/2019 Ủy ban nhân dân xã V Lập nhận được đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất đối với hộ A Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân xã V Lập đã yêu cầu ông Nguyễn Văn T cung cấp hồ sơ có liên quan đến nội dung đề nghị của ông T, xong gia đình ông T không cung cấp được các giấy tờ có liên quan đến việc sử dụng thửa đất theo nội dung đề nghị. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã V Lập đề nghị Tòa án căn cứ vào thông tin, hồ sơ, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của thửa đất trên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Tạ Phú T có mặt trình bày: Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 của hộ ông S là được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 cho hộ ông S. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S là đảm bảo theo quy định của pháp luật vì: Tuy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S không còn lưu trữ nhưng dựa trên hồ sơ T thập được là tờ trình về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư xã V Lập ngày 9/9/2003, tờ trình về việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã V Lập ngày 10/9/2003, đã sách các hộ đủ điều kiện xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên số 256 ngày 15/9/2003 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất ở, đất vườn cho các chủ sử dụng đất xã V Lập thì có hộ ông Nguyễn Văn S. Diễn biến và hiện trạng đo đạc thửa đất của hộ ông S diện tích ít hơn so với thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 là do hộ hiến đất làm đường giao thông. Hiện nay thửa đất trên vẫn mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Nguyễn Văn S.

** Người có quyền lợi liên quan ông Nguyễn Tuấn A là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên có trình bày:*

Về nguồn gốc và việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S là bố đẻ A Nguyễn Văn T: Ngày 20/7/1999, hộ ông Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang Seri số: N397148 vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00865 QSDĐ/529/1998/QĐ-UBND ngày 20/7/1999 đối với thửa đất số 157, tờ bản đồ số 02, diện tích được cấp là 1.090m² đất thổ cư. Năm 2002 xã V Lập được đo đạc lại bản đồ địa chính, thửa đất số 157, tờ bản đồ số 02 của hộ ông

Nguyễn Văn S được thể hiện tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.121,1 m². Đến năm 2003, thực hiện chủ trương cấp đổi Giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau đo đạc bản đồ, thửa đất thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.121,1 m² gồm đất ở 300 m², đất vườn 821 m² của hộ ông Nguyễn Văn S được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Quyết định số 256/QĐ-UB, ngày 15/9/2003. Qua kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại Quyết định số 256/QĐ-UB ngày 15/9/2003 của UBND huyện Tân Yên nêu trên thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC, ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về việc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.121,1 m² gồm đất ở 300 m², đất vườn 821 m² thì qua kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu trữ tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Tân Yên thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10 hiện vẫn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thôn Văn Miếu, xã V Lập. Qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.121,1 m² tại thôn Văn Miếu, xã V Lập không có hồ sơ, tài liệu lưu trữ liên quan đến việc ông Nguyễn Văn T quản lý và sử dụng thửa đất trên. Đề nghị Tòa án căn cứ vào thông tin, hồ sơ, nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của thửa đất trên để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Tuấn A có mặt trình bày: Về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 của hộ ông S là được cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1999 cho hộ ông S. Về trình T, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông T yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông S là không có căn cứ. Việc hiện trạng đo đạc thửa đất trên diện tích thiếu so với diện tích cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003 cho hộ ông S là do chủ trương các hộ hiến đất làm đường.

* Đối với Người có quyền lợi N V liên quan là ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn V, A Nguyễn Văn N Tòa án đã tiến hành giao, gửi các tài liệu chứng cứ của V án, yêu cầu những người trên cung cấp bản T khai và các tài liệu chứng cứ liên quan đến V án nếu có yêu cầu nhưng những người trên đều không có ý kiến gì đối với V án này.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 259 Bộ luật tố tụng dân sự tạm ngừng phiên tòa để xác minh cụ thể xem tại bản đồ năm 1990 các thửa đất của ông T được ghi nhận thế nào. Vì nếu bản đồ có ghi nhận thì việc chiếm hữu đất của gia đình ông S chưa đủ 30 năm, vì phần đất đó sau khi làm gạch, năm 1990 ông T bỏ không cA tác chỉ trồng tre. Nếu bản đồ năm 1990 ghi nhận nhà ông S đã là 1090m² thì xác định lúc đó gia đình nhà ông S đã sử dụng ruộng đó của nhà ông T để xem xét yêu cầu khởi kiện của ông T.

* Kiểm sát viên, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu

quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết V án của Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký phiên tòa là đảm bảo.

Việc chấp hành của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi N V liên quan tại phiên tòa là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Một số người có quyền lợi N V liên quan vắng mặt tại phiên tòa là chưa chấp hành đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội D: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 9, Điều 46, Điều 49 Luật đất đai 2003; Điều 106, Điều 115 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu gia đình A T phải trả lại diện tích đất tại 03 thửa đất có tổng diện tích 504m² gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10 tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 815662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 15/9/2003 tại thửa 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập đối với phần diện tích là 504m² mà ông T cho rằng của gia đình ông T.

- Về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ V án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: V án TrA chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn T và A Nguyễn Văn T Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết V án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Một số người có quyền lợi N V liên quan trong V án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử V án vắng mặt một số người có quyền lợi N V liên quan trong V án là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T thì thấy:

** Về nội D yêu cầu gia đình A T phải trả lại diện tích đất tại 03 thửa đất có tổng diện tích 504m² gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang thì thấy:*

Theo lời khai của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ V án thì nguồn

gốc của thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đang trA chấp là có nguồn gốc của gia đình ông S sử dụng ổn định từ những năm 1990. Đối với 03 thửa đất có tổng diện tích 504m² gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² đều ở thôn Văn Miếu, xã V Lập mà ông T đang trA chấp với A T, ông T khai tại phiên tòa cho rằng của gia đình ông sử dụng từ những năm 1955 và ông S chỉ có 02 sào đất tương đương 720m² nhưng nay diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1121,1m² là do gia đình ông S lấn đất của gia đình ông. Nay ông yêu cầu gia đình A T phải trả lại cho ông diện tích đất trên. A T tại phiên tòa trình bày không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện vì A cho rằng đất đó gia đình A sử dụng ổn định từ năm 1990 cho đến nay không có trA chấp khiếu kiện gì, đất là của bố mẹ A chứ không phải đất của gia đình ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Ủy ban nhân dân xã V Lập và Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên là các Cơ quan chuyên môn cung cấp thì thực tế từ năm 1954 ông Nguyễn Văn T chỉ sử dụng thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10 diện tích 247,0m² và theo bản đồ can vẽ tháng 8/1990, thửa đất hộ gia đình A T thể hiện tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài, thửa đất trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang Seri số: N397148, cấp tại Quyết định số: 529/1999/QĐ-UB ngày 20/7/1999. Đến ngày 15/9/2003 thửa đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang seri số Đ 815662, diện tích 1121,1m², cấp tại quyết định số 256/QĐ- UBND của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên. Như vậy, việc trình bày của ông T cho rằng diện tích đất tại 3 thửa ông khởi kiện là của gia đình ông nhưng trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa ông T không chứng minh được và không có bất cứ tài liệu chứng cứ nào nộp cho Tòa án để khẳng định thửa đất trên là của ông. Mặt khác, Ủy ban nhân dân xã V Lập, Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cũng khẳng định hồ sơ đất theo ông T khai cũng không có bất cứ giấy tờ gì lưu trữ tại các Cơ quan chuyên môn.

Theo các lời khai của một số người làm chứng trong V án như ông Nguyễn Văn Hào là Phó trưởng thôn Văn Miếu và một số cư dân sinh sống xung quA thửa đất đang trA chấp như ông Nguyễn Văn Mão, bà Thân Thị Loan, bà Thân Thị Thảo đều khẳng định từ năm 1990 thì gia đình ông T bỏ không đất và không sử dụng đất đó. Sau đó gia đình ông S sử dụng và xây dựng công trình trên đất, khi xây dựng công trình thì thấy ông T và vợ con ông T không ai có ý kiến phản đối hoặc trA chấp đơn thư khiếu nại gì, gia đình ông S đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên và gia đình ông S đã sử dụng ổn định từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Đến năm 2019 ông T mới có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã giải quyết.

Từ những căn cứ trên, ông T khởi kiện đòi 03 thửa đất trên theo lời trình bày của ông là không có căn cứ để chấp nhận. Đồng thời, từ trước đến nay ông T chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 03 thửa đất đang trA chấp

nhưng năm 1999 các thửa đất trên đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S và đến năm 2003 đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S. Mặt khác, nguồn gốc thửa đất của hộ A Nguyễn Văn T có nguồn gốc từ cha ông của ông S để lại, khi sinh sống trên thửa đất đó A T đã xây dựng nhà ở và công trình phụ trên đất, việc sử dụng đất ổn định từ đó đến nay, ông T tại phiên tòa khai có biết việc này nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng không có trA chấp gì với A T. Đến năm 2019 ông mới có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết.

Như vậy, ông T khởi kiện yêu cầu gia đình A T phải trả lại diện tích đất tổng là 504m² gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang là không có căn cứ để chấp nhận.

* Về đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa của Luật sư T: Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết V án và tại phiên tòa các đương sự trình bày: Ông T khai không có giấy tờ gì để khẳng định việc các thửa đất trên của ông, bị đơn A T thì không thừa nhận các thửa đó của gia đình ông T, các Cơ quan chuyên môn Ủy ban nhân dân xã V Lập, Ủy ban nhân dân huyện trình bày không có hồ sơ, giấy tờ gì để chứng minh 03 thửa đất trên của ông T tại thời điểm năm 1990 và theo bản đồ can vẽ tháng 8/1990 thửa đất hộ gia đình A T thể hiện tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090 m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài. Hộ gia đình ông T thực tế kiểm tra bản đồ đo đạc năm 2002 thửa đất hộ ông Nguyễn Văn T được thể hiện tại thửa đất số 133, tờ bản đồ số 10 diện tích 247,0m² loại đất thổ cư chứ không có tên đối với 3 thửa đất trên. Luật sư đề nghị xem xét việc chiếm hữu đất của gia đình ông S chưa đủ 30 năm thì thấy: Việc sử dụng đất của hộ ông S đã được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999 và cấp đổi năm 2003, hộ gia đình ông S không Tộc trưởng hợp chủ thể chiếm hữu ngay tình theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật dân sự nên việc xem xét thời hạn 30 năm theo đề nghị của Luật sư tại phiên tòa là không đúng. Do vậy, việc đề nghị tạm ngừng phiên tòa của Luật sư

T là không cần thiết.

* Về yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 815662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 15/9/2003 tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập đối với phần diện tích là 504m² thì thấy:

Theo hồ sơ T thập được, lời trình bày của các đương sự và các cơ quan chuyên môn Ủy ban nhân dân xã V Lập, Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên có mặt tại phiên tòa trình bày và cung cấp thấy: Theo bản đồ can vẽ tháng 8/1990, thửa đất hộ gia đình A T thể hiện tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 2, diện tích 1090 m², loại đất thổ cư, thời hạn sử dụng lâu dài. Thửa đất trên được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang Seri số: N397148,

cấp tại Quyết định số: 529/1999/QĐ-UB ngày 20/7/1999. Kiểm tra bản đồ đo năm 2002 thửa đất hộ A T được thể hiện tại thửa số 134, tờ bản đồ số 10, diện tích 1121,1 m², thửa đất được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang seri số Đ 815662, diện tích 1121,1 m², cấp tại quyết định số 256/QĐ - UBND huyện Tân Yên cấp ngày 15/9/2003.

Ủy ban nhân dân xã V Lập, Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều khẳng định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại Quyết định số 256/QĐ-UB, ngày 15/9/2003 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên nêu trên thực hiện đúng theo quy định tại Thông tư số 1990/2001/TT-TCĐC, ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về trình T, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Xem xét các tài liệu có trong hồ sơ T thập được thì hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông S năm 1999 và cấp đổi năm 2003 không còn lưu trữ nhưng dựa trên hồ sơ Cơ quan chuyên môn cung cấp còn lưu trữ gồm: Tờ trình về việc xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ cư xã V Lập ngày 9/9/2003; Tờ trình về việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã V Lập ngày 10/9/2003; DA sách các hộ đủ điều kiện xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập; Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên số 256 ngày 15/9/2003 về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất ở, đất vườn cho các chủ sử dụng đất xã V Lập thì có tên hộ ông Nguyễn Văn S.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy việc yêu cầu của ông T về việc hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 815662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 15/9/2003 tại thửa 134, tờ bản đồ số 10, tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập đối với phần diện tích là 504m² mà ông T cho rằng của gia đình ông T là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận nên ông T phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng, xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

[5] Về án phí: Do ông T là người cao tuổi nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường V Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 2 Điều 158; khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 106; Điều 115 của Bộ luật dân sự.

Khoản 2 Điều 9; Điều 46; Điều 48; Điều 49; Điều 50 của Luật đất đai năm 2003.

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường V Quốc hội.

Xử:

[1] Về yêu cầu khởi kiện: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc:

- Yêu cầu gia đình A Nguyễn Văn T phải trả lại diện tích đất tại 03 thửa đất có tổng diện tích 504m² gồm thửa 08 thước 192m², 07 thước 168m², 06 thước 144m² nằm trong tổng diện tích 1121,1m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn S tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Yêu cầu Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 815662 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Yên cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S ngày 15/9/2003 tại thửa 134, tờ bản đồ số 10, địa chỉ thửa đất tại thôn 1 (nay là thôn Văn Miếu), xã V Lập, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang đối với phần diện tích là 504m².

[2] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Ông Nguyễn Văn T phải chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Xác nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Vân

